

## BIỂU SỐ 07 /2016

### THỐNG KÊ KIỂM SÁT VIỆC TẠM GIỮ, TẠM GIAM VÀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

- **Dòng 1 (Số tạm giữ còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người bị tạm giữ còn lại ở các kỳ thống kê trước chưa giải quyết chuyển qua kỳ này để giải quyết tiếp.

- **Dòng 2 (Số người mới bị tạm giữ):** Thống kê số người mới được đưa vào nhà tạm giữ, hoặc buồng tạm giữ ở trại tạm giam trong kỳ thống kê.

**Lưu ý:** Đối với những trường hợp tạm giữ đã trả tự do sau đó lại bị tạm giữ thì thống kê vào số mới.

- **Dòng 3 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số người bị tạm giữ từ nơi khác chuyển đến trong kỳ thống kê.

- **Dòng 4 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số người bị tạm giữ chuyển đi nơi khác để tạm giữ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 5 (Tổng số người bị tạm giữ):**

Dòng 5 = Dòng 1 + Dòng 2 + Dòng 3 – Dòng 4

- **Dòng 6 (Số đã giải quyết):** Thống kê số người bị tạm giữ đã giải quyết

Dòng 6 = Dòng 7 + Dòng 8 + Dòng 9 + Dòng 10 + Dòng 11

- **Dòng 7 (Số khởi tố chuyển tạm giam):** Thống kê số người bị tạm giữ đã có quyết định khởi tố bị can và quyết định tạm giam của cơ quan có thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 8 (Số khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn khác):** Thống kê số người bị tạm giữ đã bị khởi tố bị can và chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn khác như: Bảo lãnh; Cấm đi khỏi nơi cư trú...

- **Dòng 9 (Số truy nã chuyển tạm giam):** Thống kê số người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người bị truy nã ra đầu thú đang bị tạm giữ đã chuyển sang tạm giam.

- **Dòng 10 (Số tạm giữ được trả tự do):** Thống kê số người đang bị tạm giữ nhưng Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát trả tự do khi không có căn cứ khởi tố bị can (số này không bao gồm số ở dòng 11).

- **Dòng 11 (VKS trả tự do theo điểm d K2, Đ 22 Luật tổ chức VKSND; điểm d K2, Đ 42 Luật thi hành Tạm giữ, tạm giam):** Thống kê những trường hợp Viện kiểm sát áp dụng điểm d khoản 2 điều 22 Luật tổ chức VKS ND và điểm

d K2, Đ 42 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giữ khi người đó bị tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 12 (Số quá hạn tạm giữ đã giải quyết):** Thống kê số người bị tạm giữ đã quá hạn trong kỳ thống kê và trong kỳ thống kê trước đã được giải quyết bằng một trong các hình thức giải quyết ở dòng 7, 8, 9, 10, 11 (số liệu dòng này nằm trong số liệu số đã giải quyết ở dòng 6).

- **Dòng 13 (Số người tạm giữ chết trong kỳ):** Thống kê số người bị tạm giữ chết trong kỳ thống kê (Dòng 13 = Dòng 14 + Dòng 15 + Dòng 16).

- **Dòng 14 (Chết do bệnh lý):** Thống kê số người bị tạm giữ chết do bệnh lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 15 (Chết do tự sát):** Thống kê số người bị tạm giữ chết do tự sát trong kỳ thống kê.

- **Dòng 16 (Chết do nguyên nhân khác):** Thống kê số người bị tạm giữ chết do các nguyên nhân khác ngoài hai nguyên nhân ở dòng 14 và dòng 15.

Dòng 14, 15, 16 Căn cứ vào kết luận giám định pháp y để xác định nguyên nhân chết.

- **Dòng 17 (Số người tạm giữ trốn trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tạm giữ trốn trong kỳ thống kê ( không phân biệt đã bắt được hay chưa bắt được).

- **Dòng 18 (Số trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số người bị tạm giữ đã trốn trong kỳ thống kê được thống kê ở dòng 17 nhưng đến cuối kỳ thống kê vẫn chưa bắt lại được.

- **Dòng 19 (Số người còn tạm giữ đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người còn bị tạm giữ đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 19} = \text{Dòng 5} - \text{Dòng 6} - \text{Dòng 13} - \text{Dòng 18}$$

- **Dòng 20 ( Số quá hạn tạm giữ):** Thống kê số người bị tạm giữ quá hạn trong số còn đang tạm giữ, căn cứ vào thời hạn ghi trên quyết định tạm giữ, thời hạn mà Viện kiểm sát đã phê chuẩn trong Quyết định phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ để làm cơ sở thống kê.

- **Dòng 21 (Số còn tạm giam của kỳ thống kê trước):** Thống kê số người bị tạm giam còn lại ở các kỳ thống kê trước chưa giải quyết chuyển qua kỳ này để giải quyết tiếp. Đối với những trường hợp trốn ở kỳ thống kê trước mà kỳ này bắt được thì thống kê vào dòng này.

- **Dòng 22 (Số người mới bị tạm giam):** Thống kê số người mới được đưa vào trại tạm giam, hoặc buồng tạm giam ở nhà tạm giữ trong kỳ thống kê.

**Lưu ý:** Đối với những trường hợp tạm giam đã được tại ngoại sau đó lại tiếp tục bị bắt tạm giam trong kỳ thống kê thì thống kê vào dòng này.

- Đối với trường hợp trích xuất: nếu trích xuất đi mà trong kỳ thống kê chưa nhận lại thì thống kê như các trường hợp chuyển đến chuyển đi đã hướng dẫn ở phần chung.

- **Dòng 23 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số người bị tạm giam nơi khác chuyển đến trong kỳ thống kê.

- **Dòng 24 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số người bị tạm giam chuyển đi nơi khác trong kỳ thống kê.

- **Dòng 25 (Tổng số người bị tạm giam):** Thống kê tổng số người đang bị tạm giam (Dòng 25 = Dòng 21 + Dòng 22 + Dòng 23 – Dòng 24).

- **Dòng 26 (Số người bị tạm giam đã giải quyết):** Thống kê số người thực tế đã được giải quyết ra khỏi nơi tạm giam bằng các quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- **Dòng 27 (Huỷ bỏ biện pháp tạm giam):** Thống kê số người được các cơ quan tổ tụng huỷ bỏ biện pháp tạm giam khi thấy không cần thiết, huỷ bỏ biện pháp tạm giam khi áp dụng biện pháp tạm giam trái pháp luật. Không thống kê những trường hợp huỷ bỏ biện pháp tạm giam rồi sau đó trả tự do khi có quyết định đình chỉ.

- **Dòng 28 (Thay đổi biện pháp ngăn chặn khác):** Thống kê số người được cơ quan có thẩm quyền thay thế biện pháp tạm giam đang áp dụng bằng một biện pháp ngăn chặn khác không phải là tạm giam.

- **Dòng 29 (Trả tự do khi bị can có QĐ đình chỉ):** Thống kê số người được trả tự do khi có quyết định đình chỉ bị can của cơ quan có thẩm quyền.

- **Dòng 30 (Hội đồng xét xử trả tự do):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa, bao gồm những trường hợp: bị cáo không có tội; bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt; bị cáo bị xử phạt bằng các hình phạt không phải hình phạt tù; bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo; thời hạn phạt tù ngắn hơn hoặc bằng thời hạn mà bị cáo đã bị tạm giam....

- **Dòng 31(Hết thời hạn tù trong thời gian chờ quyết định chuyển đi chấp hành án):** Thống kê số người chấp hành án phạt tù có thời hạn mà bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã có quyết định thi hành án đang trong thời gian chờ quyết định để đưa đi chấp hành án của cơ quan có thẩm quyền thì hết thời hạn tù mà Tòa án đã tuyên.

- **Dòng 32 (VKS trả tự do theo điểm d K2, Đ 22 Luật tổ chức VKSND; điểm d K2, Đ 42 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam):** Thống kê những trường hợp Viện kiểm sát áp dụng điểm d khoản 2 điều 22 Luật Tổ chức VKS ND và điểm d K2, Đ 42 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giam khi người đó bị tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 33 (Số người chuyển chấp hành án):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án đang bị tạm giam đã được đưa đi chấp hành án ở trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam hoặc nhà tạm giữ.

**Lưu ý:** Đối với những trường hợp Tòa án cấp huyện đã ra quyết định thi hành án và nhà tạm giữ chuyển người đó đến trại tạm giam để làm thủ tục chuyển đi chấp hành án thì không thống kê vào dòng này mà thống kê vào dòng “Số chuyển đi nơi khác” (dòng 24).

- **Dòng 34 (Số đã thi hành án tử hình):** Thống kê những trường hợp đã thi hành hình phạt tử hình. (Số liệu dòng này = Số liệu dòng 109)

- **Dòng 35 (Bắt buộc chữa bệnh):** Thống kê những trường hợp tại thời điểm kết thúc kỳ thống kê đã trích xuất ra khỏi nơi giam sau khi có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền trong kỳ thống kê.

**Lưu ý:** Đối với trường hợp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê nhưng ngay trong kỳ thống kê đó lại đình chỉ áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thì không thống kê vào dòng này. Sau khi kết thúc việc chữa bệnh (trừ trường hợp chết) người bị bắt buộc chữa bệnh trở lại nơi giam thì thống kê vào dòng số cũ (dòng 21).

- **Dòng 36 (Tổng số người đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh ở các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này nhưng đến cuối kỳ thống kê này vẫn đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- **Dòng 37 (Số quá hạn tạm giam đã giải quyết):** Thống kê những trường hợp tạm giam đã giải quyết nhưng đã quá hạn tạm giam tính đến ngày giải quyết.

- **Dòng 38 (Cơ quan điều tra):** Thống kê số người bị tạm giam quá hạn đã giải quyết thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra.

- **Dòng 39 (Viện kiểm sát):** Thống kê số người bị tạm giam quá hạn đã giải quyết thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát.

- **Dòng 40 (Tòa án):** Thống kê số người bị tạm giam quá hạn đã giải quyết thuộc trách nhiệm của Tòa án.

(Căn cứ vào việc hồ sơ đang ở cơ quan nào để làm căn cứ thống kê).

- **Dòng 41 (Số người bị tạm giam chết trong kỳ):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê ( $D 41 = D 42 + D 43 + D 44$ ).

- **Dòng 42 (Chết do tự sát):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê do tự sát.

- **Dòng 43 (Chết do bệnh lý):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê do bệnh lý.

- **Dòng 44 (Chết do các nguyên nhân khác):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê do nguyên nhân khác ngoài 2 nguyên nhân tại dòng 42 và dòng 43.

(Căn cứ vào kết luận giám định để xác định nguyên nhân chết).

- **Dòng 45 (Số người bị tạm giam trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tất cả những trường hợp trốn ở các kỳ thống kê và tại kỳ thống kê này đến cuối kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 46 (Số trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số người bị tạm giam trốn trong kỳ thống kê và chưa bắt lại được.

- **Dòng 47 (Số người còn bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người còn đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

(Dòng 47 = Dòng 25 - Dòng 26 – Dòng 41 – Dòng 46).

- **Dòng 48 (Số còn tạm giam đã quá hạn tính đến cuối kỳ):** Thống kê số người bị tạm giam đã quá hạn tạm giam trong số đang tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê. Căn cứ theo thời hạn ghi trong lệnh tạm giam, quyết định tạm giam, quyết định gia hạn tạm giam để xác định việc quá hạn. Đồng thời căn cứ vào việc hồ sơ vụ án đang do cơ quan nào giữ để xem xét trách nhiệm.

- **Dòng 49 (Cơ quan điều tra):** Thống kê số người quá hạn tạm giam thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra.

- **Dòng 50 (Viện kiểm sát):** Thống kê số người quá hạn tạm giam thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát.

- **Dòng 51 (Toà án):** Thống kê số người quá hạn tạm giam thuộc trách nhiệm của Tòa án.

- **Dòng 52 (Số bị án tử hình đang tạm giam):** Thống kê tất cả những trường hợp đã bị Tòa án tuyên phạt tử hình (tính cả những trường hợp đang kháng cáo, kháng nghị, bản án chưa có hiệu lực pháp luật) đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 53 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát trực tiếp nhà tạm giữ có kết luận):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã kiểm sát trực tiếp nhà tạm giữ (kiểm sát toàn diện, kiểm sát từng nội dung) và đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm sát trực tiếp nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này). Đối với những trường hợp kiểm sát buồng tạm giữ thuộc Bộ đội Biên phòng cũng thống kê vào dòng này.

- **Dòng 54 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát đột xuất nhà tạm giữ):** Thống kê những trường hợp Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát đột xuất nhà tạm giữ và đã có kết luận. Đối với những trường hợp kiểm sát đột xuất buồng tạm giữ thuộc Bộ đội Biên phòng cũng thống kê vào dòng này.

- **Dòng 55 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát trực tiếp trại tạm giam có kết luận):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã kiểm sát trực tiếp trại tạm giam (kiểm sát toàn diện, kiểm sát từng nội dung) và đã có kết luận trong kỳ thống kê. Trong trường hợp đã tiến hành kiểm sát trực tiếp nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 56 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát đột xuất trại tạm giam):** Thống kê số lần VKS đã tiến hành kiểm sát đột xuất tại trại tạm giam và đã có kết luận.

**Lưu ý:** Khi thống kê dòng 53, 54, 55, 56 chỉ thống kê những trường hợp Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát trực tiếp khi có *quyết định kiểm sát trực tiếp* hoặc *quyết định kiểm sát đột xuất* nhà tạm giữ, trại tạm giam.

- **Dòng 57 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số văn bản Viện kiểm sát đã yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam...tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát.

- **Dòng 58 (Số lần Viện kiểm sát yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã ban hành văn bản yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam... cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 59 (Số lần Viện kiểm sát yêu cầu thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã ban hành văn bản yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 60 (Số lần Viện kiểm sát yêu cầu trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã ban hành văn bản yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam...trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

**Lưu ý:** Trong trường hợp Viện kiểm sát ban hành 01 văn bản nhưng yêu cầu nhiều nội dung tại các dòng 57, 58, 59, 60 thì chỉ thống kê vào một dòng.

- **Dòng 61 (Số bản kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kiến nghị Viện kiểm sát đã ban hành thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam. Nếu một bản kiến nghị mà kiến nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một bản kiến nghị.

- **Dòng 62 (Số bản kiến nghị đã được chấp nhận sửa chữa):** thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) của cơ quan bị kiến nghị trong kỳ thống kê, kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 63 (Số bản kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kháng nghị Viện kiểm sát đã ban hành thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam. Chỉ thống kê số bản kháng nghị bằng văn bản riêng đã ban hành trong kỳ thống kê, không thống kê những trường hợp kháng nghị trong bản kết luận kiểm sát trực tiếp. Nếu một bản kháng nghị mà kháng nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một bản kiến nghị.

- **Dòng 64 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) của cơ quan bị kháng nghị, kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 65 (Số cuộc kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu đã có kết luận):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu của Viện kiểm sát đối với cơ quan đang tạm giữ, tạm giam đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm tra nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này).

- **Dòng 66 (Số người chấp hành án chưa ra quyết định thi hành án kỳ trước chuyển qua):** Thống kê những người bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là: “cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo, tù có thời hạn, tù chung thân” mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa có quyết định thi hành án của kỳ thống kê trước chuyển qua.

- **Dòng 67 (Số người chấp hành án mới phát sinh trong kỳ chưa ra quyết định thi hành án):** Thống kê những người bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là: “cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo, tù có thời hạn, tù chung thân” mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 68 (Số người chấp hành án nhận ủy thác ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án Tòa án nơi thực hiện thống kê đã nhận ủy thác của Tòa án nơi khác để ra quyết định thi hành án.

- **Dòng 69 (Số người chấp hành án ủy thác đi nơi khác ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã xét xử sơ thẩm đã có quyết định ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án.

**Lưu ý:** Đối với những người chấp hành án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa có quyết định thi hành án mà Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy án để điều tra, xét xử lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội, thì tùy từng trường hợp nếu bản án có hiệu lực trước kỳ thống kê thì không thống kê vào dòng 66, nếu bản án có hiệu lực trong kỳ thống kê thì không thống kê vào dòng 67.

- **Dòng 70 (Tổng số người chấp hành án Tòa án phải ra quyết định thi hành án):** Thống kê tổng số người mà Tòa án tuyên bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa ra quyết định thi hành án.

$$\text{Dòng 70} = \text{Dòng 66} + \text{Dòng 67} + \text{Dòng 68} - \text{Dòng 69.}$$

- **Dòng 71 (Số người chấp hành án tù chung thân phải ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù chung thân mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của kỳ thống kê trước nhưng chưa ra quyết định thi hành án và số người bị tuyên phạt tù chung thân mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 72 (Số người chấp hành án tù có thời hạn phải ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù có thời hạn mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của kỳ thống kê trước nhưng chưa ra quyết định thi hành án và số người bị tuyên phạt tù có thời hạn mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 73 (Số người chấp hành án chết khi chưa có quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa có quyết định thi hành án bị chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 74 (Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số người chấp hành án mà hình phạt chính là: “cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo, tù có thời hạn, tù chung thân” Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 75 (Số người chấp hành án tù chung thân đã ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà hình phạt chính cao nhất là tù chung thân Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.



- **Dòng 76 (Số người chấp hành án tù có thời hạn đã ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà hình phạt chính là tù có thời hạn Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 77 (Số người chấp hành án Tòa án chưa ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án chưa ra quyết định thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê.

Dòng 77 = Dòng 70 – Dòng 73 – Dòng 74.

- **Dòng 78 (Đã quá hạn luật định):** Thống kê số người mà Tòa án chưa ra quyết định thi hành án đã quá hạn theo quy định tại Điều 364 Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Dòng 79 (Số người chấp hành án tù chung thân chưa ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà hình phạt chính cao nhất là tù chung thân bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án xét xử sơ thẩm chưa ra quyết định thi hành án (thống kê cả những trường hợp đã quá hạn).

- **Dòng 80 (Số người chấp hành án tù có thời hạn chưa ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù có thời hạn mà bản án có hiệu lực nhưng Tòa án xét xử sơ thẩm chưa ra quyết định thi hành án (thống kê cả những trường hợp đã quá hạn).

- **Dòng 81 (Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án của kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa đi đến nơi thi hành án.

Những trường hợp đã hết thời hạn hoãn thi hành án mà không được tiếp tục hoãn, những trường hợp Tòa án có thẩm quyền ra quyết định hủy quyết định hoãn thi hành án cũng thống kê vào dòng này.

- **Dòng 82 (Số đã có quyết định thi hành án nơi khác chuyển đến):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án mà nơi khác chuyển đến để làm thủ tục chuyển đi chấp hành án.

- **Dòng 83 (Số đã có quyết định thi hành án chuyển đi nơi khác):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án nhưng chuyển đi nơi khác để làm thủ tục chuyển đi chấp hành án.

- **Dòng 84 (Tổng số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án phải đưa đi thi hành án):** Dòng 84 = Dòng 74 + Dòng 81 + Dòng 82 – Dòng 83.

- **Dòng 85 (Số người chấp hành án được Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm hủy án, tuyên không phạm tội):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án (nhưng chưa đi thi hành án) mà Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra, xét xử lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội trong kỳ thống kê.

- **Dòng 86 (Số người chấp hành án được hoãn chấp hành án):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án nhưng được hoãn chấp hành án trong kỳ thống kê. Quyết định thi hành án có thể trong kỳ thống kê, cũng có thể khác kỳ thống kê.

- **Dòng 87 (Số người chấp hành án được miễn chấp hành hình phạt):** Thống kê số người đã có quyết định miễn chấp hành hình phạt của Tòa án có thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 88 (Số người được miễn chấp hành hình phạt tù):** Thống kê số người đã có quyết định miễn chấp hành hình phạt tù của Tòa án có thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 89 (Số người chấp hành án được hưởng thời hiệu):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án có thẩm quyền đã có quyết định cho họ không phải thi hành bản án đã tuyên do được hưởng thời hiệu, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 90 (Số người chấp hành án phạt tù được hưởng thời hiệu):** Thống kê số người chấp hành án phạt tù mà Tòa án có thẩm quyền đã có quyết định cho họ không phải thi hành hình phạt tù đã tuyên do được hưởng thời hiệu, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 91 (Số người chấp hành án chết sau khi có quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 92 (Số người chấp hành án trốn sau khi có quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê những trường hợp đã có quyết định thi hành án nhưng trong thời gian chờ chuyển đi chấp hành án thì bỏ trốn chưa bắt lại được.

- **Dòng 93 (Số người chấp hành án đã đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án sau khi có quyết định thi hành án đã được đưa đi thi hành án tại Trại giam, Trại tạm giam hoặc đã được bàn giao cho cơ quan tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục hoặc trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- **Dòng 94 (Số người chấp hành án tù chung thân đã đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án tù chung thân mới đưa đến thi hành án tại Trại giam sau khi có quyết định đưa người chấp hành án đi chấp hành án của cơ quan có thẩm

quyền. Không thống kê những trường hợp chuyển từ trại này đến trại khác vào dòng này.

- **Dòng 95 (Số người chấp hành án tù có thời hạn đã đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án tù có thời hạn mới đưa đến chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam sau khi có quyết định đưa người chấp hành án đi chấp hành án của cơ quan có thẩm quyền. Không thống kê những trường hợp chuyển từ trại này đến trại khác vào dòng này.

- **Dòng 96 (Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án còn lại chưa đi thi hành án):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đưa đi chấp hành án.

Dòng 96 = Dòng 84 – Dòng 85 – Dòng 86 – Dòng 87 – Dòng 89 – Dòng 91 – Dòng 92- Dòng 93

- **Dòng 97 (Số người chấp hành án tù chung thân chưa đi thi hành án):** Thống kê những bị phạt tù chung thân đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đưa đi thi hành án tại Trại giam. Số này bao gồm cả số trốn ở dòng 98.

- **Dòng 98 (Số người chấp hành án tù chung thân chưa đi thi hành án trốn chưa bắt lại):** Thống kê những trường hợp người bị phạt tù chung thân đã có quyết định thi hành án chưa đi thi hành án nhưng đã bỏ trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 99 (Số người chấp hành án tù có thời hạn chưa đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án tù có thời hạn đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đưa đi thi hành án tại Trại giam, Trại tạm giam. Số này bao gồm cả số trốn ở dòng 100.

- **Dòng 100 (Số người chấp hành án tù có thời hạn chưa đi thi hành án trốn chưa bắt lại):** Thống kê số người bị phạt tù có thời hạn đã có quyết định thi hành án chưa đi thi hành án nhưng đã bỏ trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 101 (Tổng số người chấp hành án tù có thời hạn được hoãn thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tất cả những trường hợp đang được hoãn thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 102 (Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án tử hình còn lại của kỳ thống kê trước chuyển sang, bao gồm cả số trốn chưa bắt lại được của các kỳ thống kê trước.

- **Dòng 103 (Số người chấp hành án mới có quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình mới có quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 104 (Tổng số):** Thống kê tổng số người bị Tòa án tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án ( Dòng 104 = Dòng 102 + Dòng 103).

- **Dòng 105 (Số người hoãn thi hành án tử hình trong kỳ thống kê):** Thống kê số người đã có quyết định hoãn thi hành án tử hình trong kỳ thống kê.

- **Dòng 106 (Số người chấp hành án được giảm xuống hình phạt khác):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án được cơ quan có thẩm quyền giảm án xuống hình phạt khác trong kỳ thống kê.

- **Dòng 107 (Số người chấp hành án chết trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án nhưng chưa thi hành chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 108 (Số người chấp hành án trốn trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án đã trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 109 (Số đã thi hành án tử hình trong kỳ thống kê):** Thống kê những trường hợp đã thi hành xong hình phạt tử hình trong kỳ thống kê.

**Lưu ý:** Số liệu này phải bằng số liệu ở dòng 34.

- **Dòng 110 (Số còn lại chưa thi hành án):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án nhưng chưa thi hành tính đến cuối kỳ thống kê, bao gồm cả số trốn chưa bắt lại được ở dòng 112.

( Dòng 110 = Dòng 104 - Dòng 106 - Dòng 107 – Dòng 109).

- **Dòng 111 (Số người hoãn thi hành án tử hình tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người đang được hoãn thi hành án tử hình tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 112 (Số người chấp hành án trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số người chấp hành án tử hình đã có quyết định thi hành án trốn chưa bắt lại được, tính cả những trường hợp trốn của các kỳ thống kê trước mà kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 113 (Số phạm nhân kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù chung thân ở trại giam. Những trường hợp phạm nhân trốn ở các kỳ thống kê trước, kỳ thống kê này bắt lại được thì thống kê vào dòng này.

- **Dòng 114 (Số phạm nhân mới):** Thống kê số phạm nhân mới đưa vào trại giam chấp hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 115 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù chung thân nơi khác chuyển đến.

- **Dòng 116 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù chung thân chuyển đi nơi khác.

- **Dòng 117 (Tổng số phạm nhân):** Thống kê tổng số phạm nhân chấp hành án phạt tù chung thân tại trại giam.

(Dòng 117 = Dòng 113 + Dòng 114 + Dòng 115 – Dòng 116).

- **Dòng 118 (Số phạm nhân đã giảm án xuống tù có thời hạn):** Thống kê số phạm nhân đã có quyết định của Tòa án có thẩm quyền quyết định giảm án thành án phạt tù có thời hạn, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 119 (Số phạm nhân chết):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tù chung thân chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 120 (Số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù chung thân nhưng bỏ trốn khỏi trại giam trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 121 (Số phạm nhân giảm xuống tù có thời hạn đã chấp hành xong):** Thống kê số phạm nhân tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn và đã chấp hành xong thời hạn tù.

- **Dòng 122 (Số phạm nhân được đặc xá):** Thống kê số phạm nhân đã có quyết định của Chủ tịch nước tha tù trước thời hạn và đã ra khỏi nơi thi hành án.

- **Dòng 123 (Số phạm nhân đang chấp hành án):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tù chung thân tại trại giam.

**Lưu ý:** Số này không bao gồm số trốn ở dòng 124.

(Dòng 123 = Dòng 117 – Dòng 119 – Dòng 120 – Dòng 121).

- **Dòng 124 (Số phạm nhân trốn tính đến cuối kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê tổng số phạm nhân chấp hành án phạt tù chung thân trốn ở các kỳ thống kê khác nhau nhưng đến cuối kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 125 (Số phạm nhân kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam và nhà tạm giữ, bao gồm cả phạm nhân trốn ở các kỳ thống kê trước kỳ thống kê này bắt lại được, những phạm nhân đã đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và cơ sở chữa bệnh đã bàn giao lại cho trại giam, trại tạm giam, những trường hợp người tạm đình chỉ chấp hành án tiếp tục thi hành án, những trường hợp tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ bị Tòa án hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.

- **Dòng 126 (Số phạm nhân Tòa án hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và buộc người đó tiếp tục thi hành án):** Thống kê những

trường hợp được tha tù trước thời hạn có điều kiện nhưng vi phạm nghĩa vụ bị Tòa án hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành hình phạt tù còn lại chưa chấp hành, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 127 (Số phạm nhân mới):** Thống kê số phạm nhân chấp hành án phạt tù có thời hạn mới được đưa vào chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 128 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn nơi khác chuyển đến.

- **Dòng 129 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn chuyển đi nơi khác.

- **Dòng 130 (Tổng số phạm nhân):** Thống kê tổng số phạm nhân phải thi hành án trong trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.

$$\text{Dòng 130} = \text{Dòng 125} + \text{Dòng 127} + \text{Dòng 128} - \text{Dòng 129}$$

- **Dòng 131 (Số phạm nhân đã chấp hành án xong):** Thống kê những trường hợp chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do; Giảm hết thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại (đối với trường hợp này tính cả những trường hợp được giảm đột xuất), trả tự do; đặc xá tha tù trước thời hạn; những trường hợp được miễn chấp hành án phạt tù.... (Số liệu dòng này không bao gồm số liệu ở dòng 134)

- **Dòng 132 (Số phạm nhân được đặc xá):** Thống kê số phạm nhân đã có quyết định của Chủ tịch nước tha tù trước thời hạn và đã ra khỏi nơi thi hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 133 (Số phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân đã được Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 134 (Số phạm nhân được trả tự do theo điểm c, K2 Đ25 Luật tổ chức VKSND, K3 Đ141 Luật thi hành án hình sự):** Thống kê những trường hợp đã trả tự do sau khi có quyết định của Viện kiểm sát trả tự do ngay cho người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 135 (Số phạm nhân chết):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù chết trong kỳ thống kê. (Dòng 135 = Dòng 136 + Dòng 137 + Dòng 138)

- **Dòng 136 (Chết do tự sát):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê do tự sát.

- **Dòng 137 (Chết do bệnh lý):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê do bệnh lý.

- **Dòng 138 (Chết do các nguyên nhân khác):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê do nguyên nhân khác ngoài 2 nguyên nhân tại dòng 136 và dòng 137.

(Căn cứ vào kết luận giám định để xác định nguyên nhân chết).

- **Dòng 139 (Số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 140 (Số phạm nhân áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê):** thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù mà trong kỳ thống kê đã áp dụng biện pháp chữa bệnh tại các cơ sở chữa bệnh.

Đối với những phạm nhân đã có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê nhưng ngay trong kỳ thống kê đó lại ra quyết định đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và đã tiếp tục chấp hành án thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 141(Tổng số phạm nhân đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số phạm nhân Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này, tính đến thời điểm thống kê vẫn đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- **Dòng 142 (Số phạm nhân đang chấp hành án):** Là số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù có thời hạn tại trại giam, trại tạm giam và nhà tạm giữ.

Dòng 142 = Dòng 130 – Dòng 131 – Dòng 133 – Dòng 134 – Dòng 135 – Dòng 139 – Dòng 140 – Dòng 146.

**Lưu ý:** Số này không bao gồm số trốn ở dòng 145.

- **Dòng 143 (Số phạm nhân đang chấp hành án tại trại tạm giam):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tại phân trại quản lý phạm nhân của trại tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 144 (Số phạm nhân đang chấp hành án tại nhà tạm giữ):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tại nhà tạm giữ tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 145 (Số phạm nhân trốn tính đến cuối kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số phạm nhân trốn ở các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này nhưng đến cuối kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 146 (Số phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số phạm nhân đã ra khỏi nơi chấp hành án sau khi có quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù của Tòa án hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 147 (Số tạm đình chỉ đã tiếp tục thi hành án):** thống kê số người được tạm đình chỉ đã có mặt tại nơi chấp hành án theo đúng quy định hoặc số tạm đình chỉ trốn đã bắt lại và tiếp tục chấp hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 148 (Số tạm đình chỉ được miễn chấp hành án):** Thống kê số người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đã có quyết định được miễn chấp hành hình phạt tù còn lại, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 149 (Số tạm đình chỉ chết):** Thống kê số phạm nhân được tạm đình chỉ chết trong kỳ thống kê. Căn cứ vào quyết định đình chỉ thi hành án của Tòa án có thẩm quyền sau khi nhận được thông báo của cơ quan quản lý người được tạm đình chỉ thi hành án chết để làm căn cứ thống kê.

- **Dòng 150 (Số tạm đình chỉ trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê những người được tạm đình chỉ chấp hành án trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 151 (Tổng số tạm đình chỉ trốn đến cuối kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê tổng số người đang tạm đình chỉ chấp hành án trốn chưa bắt lại. Số trốn có thể trong kỳ thống kê hoặc ở các kỳ thống kê trước.

- **Dòng 152 (Tổng số phạm nhân được tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số đang được tạm đình chỉ của các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này, bao gồm cả số trốn chưa bắt lại ở dòng 151.

- **Dòng 153 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù cho hưởng án treo đang bị giám sát, giáo dục của kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 154 (Số mới):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù cho hưởng án treo phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào thời điểm giao, nhận hồ sơ giữa cơ quan thi hành án có thẩm quyền và cơ quan được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo để làm căn cứ thống kê.

**Lưu ý:** Đối với những trường hợp người được hưởng án treo chuyển đi nơi khác do thay đổi nơi cư trú, làm việc thì đơn vị chuyển đi không tính vào số tổng mà xem xét nếu số cũ thì giảm số cũ, số mới thì giảm số mới; đơn vị nhận chuyển đến tính tăng số mới.

- **Dòng 155 (Tổng số):** Thống kê tổng số người phải thi hành án treo đang bị giám sát, giáo dục, bao gồm số cũ và số mới (Dòng 155 = Dòng 153 + Dòng 154).

- **Dòng 156 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách, trong kỳ thống kê.



- **Dòng 157 (Số phạm tội mới):** Thống kê số người đang thi hành án treo lại phạm thêm tội mới trong kỳ thống kê.

- **Dòng 158 (Số án treo vi phạm nghĩa vụ bị chuyển sang án giam):** Thống kê số người đang thi hành án treo vi phạm nghĩa vụ mà Tòa án đã quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 159 (Số đang thi hành án treo chết):** Thống kê số người đang thi hành án treo bị chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 160 (Số đang chấp hành án):** Thống kê số người bị phạt tù được hưởng án treo đang bị giám sát, giáo dục tính đến cuối kỳ thống kê.

Dòng 160 = Dòng 155 – Dòng 156 – Dòng 157 – Dòng 158 – Dòng 159

- **Dòng 161 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành hình phạt trục xuất của kỳ thống kê trước chuyển qua, bao gồm cả những trường hợp người bị trục xuất trốn chưa bắt lại được.

- **Dòng 162 (Số mới):** Thống kê số người có quyết định thi hành hình phạt trục xuất trong kỳ thống kê.

Đối với người bị trục xuất chết trong thời gian chờ xuất cảnh thì xem xét là số mới hay số cũ mà giảm số cũ hoặc mới.

- **Dòng 163 (Tổng số):** Thống kê tổng số người bị trục xuất, bao gồm số cũ và số mới (Dòng 163 = Dòng 161 + Dòng 162).

- **Dòng 164 (Số đã trục xuất):** Thống kê số người chấp hành án phạt trục xuất đã rời khỏi lãnh thổ Việt Nam trong kỳ thống kê (Căn cứ vào thông báo đã thi hành xong hình phạt trục xuất của cơ quan thi hành án hình sự gửi cho các cơ quan có thẩm quyền).

- **Dòng 165 (Số còn lại chưa bị trục xuất):** Dòng 165 = Dòng 163 – Dòng 164.

- **Dòng 166 (Số còn lại của kỳ trước):** Là số người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ của kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 167 (Số mới):** Là số phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào thời điểm giao, nhận hồ sơ giữa cơ quan thi hành án có thẩm quyền và cơ quan được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ để làm căn cứ thống kê.

- **Dòng 168 ( Tổng số):** Thống kê tổng số người đang thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, bao gồm số cũ và số mới (Dòng 168 = Dòng 166 + Dòng 167).

- **Dòng 169 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ.

- **Dòng 170 (Số phạm tội mới):** Thống kê số người đang thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ phạm thêm tội mới trong kỳ thống kê.

- **Dòng 171 (Số đang thi hành cải tạo không giam giữ chết):** Thống kê số người đang thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ bị chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 172 (Số đang thi hành án):** Thống kê số người bị phạt cải tạo không giam giữ đang bị giám sát, giáo dục tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 172} = \text{Dòng 168} - \text{Dòng 169} - \text{Dòng 170} - \text{Dòng 171}.$$

- **Dòng 173 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang chấp hành án không được tạm trú, thường trú ở một số địa phương nhất định của các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 174 (Số mới):** Thống kê số người chấp hành án phạt cấm cư trú mới phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào ngày bàn giao hồ sơ giữ cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện với ủy ban nhân cấp xã nơi người chấp hành án về cư trú để làm cơ sở thống kê.

**Lưu ý:** Đối với người đang chấp hành án phạt cấm cư trú chết thì căn cứ vào thời điểm chết nếu là số cũ thì trừ số cũ, nếu là số mới thì trừ số mới.

- **Dòng 175 (Tổng số):**  $\text{Dòng 175} = \text{Dòng 173} + \text{Dòng 174}$

- **Dòng 176 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, trong kỳ thống kê (kể cả những trường hợp đã được Tòa án miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại).

- **Dòng 177 (Số đang chấp hành án):** Thống kê số người đang chấp hành án phạt cấm cư trú tính đến cuối kỳ thống kê (  $\text{Dòng 177} = \text{Dòng 175} - \text{Dòng 176}$  )

- **Dòng 178 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang chấp hành án phạt quản chế buộc phải cư trú, làm ăn, sinh sống, ở một địa phương nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương, của các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 179 (Số mới):** Thống kê số người chấp hành án phạt quản chế mới phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào ngày giao người chấp hành án giữ cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện với ủy ban nhân cấp xã nơi người đó về cư trú để làm cơ sở thống kê.

**Lưu ý:** Đối với người đang chấp hành án phạt quản chế chết thì căn cứ vào thời điểm chết nếu là số cũ thì trừ số cũ, nếu là số mới thì trừ số mới.

- **Dòng 180 (Tổng số):** Dòng 180 = Dòng 178 + Dòng 179

- **Dòng 181 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm quản chế, trong kỳ thống kê (kể cả những trường hợp đã được Tòa án miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại).

- **Dòng 182 (Số đang chấp hành án):** Thống kê số người đang thi hành án phạt quản chế tính đến cuối kỳ thống kê (Dòng 182 = Dòng 180 – Dòng 181)

- **Dòng 183 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang thi hành hình phạt bỏ sung là bị tước bỏ một hoặc một số quyền công dân ở các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 184 (Số mới):** Thống kê số người mới thi hành án phạt tước một số quyền công dân phát sinh trong kỳ thống kê.

**Lưu ý:** Đối với người đang chấp hành án phạt tước một số quyền công dân chết thì căn cứ vào thời điểm chết nếu là số cũ thì trừ số cũ, nếu là số mới thì trừ số mới.

- **Dòng 185 (Tổng số):** Dòng 185 = Dòng 183 + Dòng 184

- **Dòng 186 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tước một số quyền công dân, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 187 (Số đang chấp hành án):** Thống kê tổng số người đang thi hành án phạt tước một số quyền công dân tính đến cuối kỳ thống kê. (D 187 = D 185 – D 186)

- **Dòng 188 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang bị cơ quan có thẩm quyền buộc không được đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 189 (Số mới):** Thống kê số người thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định mới phát sinh trong kỳ thống kê.

- **Dòng 190 (Tổng số):** Dòng 190 = Dòng 188 + Dòng 189.

- **Dòng 191 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 192 (Số đang chấp hành án):** Thống kê tổng số người đang thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định tính đến cuối kỳ thống kê ( Dòng 192 = Dòng 190 – Dòng 191).

- **Dòng 193 (Số quyết định của Tòa án có vi phạm):** Thống kê số quyết định thi hành án (gồm tất cả các quyết định thi hành án đối với các loại hình phạt), quyết định liên quan đến thi hành án như: quyết định hoãn thi hành án, quyết định tạm đình chỉ thi hành án, quyết định miễn thi hành án... của Tòa án có vi phạm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 194 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

- **Dòng 195 (Tòa án đã ra quyết định theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 196 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị hoãn thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án ra quyết định hoãn thi hành án.

- **Dòng 197 (Tòa án đã ra quyết định theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định hoãn thi hành án trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 198 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành hình phạt):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án ra quyết định miễn chấp hành hình phạt. (Số liệu này không bao gồm số liệu ở dòng 204)

- **Dòng 199 (Tòa án đã ra quyết định theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành hình phạt trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 200 (Số người thi hành án phạt tù được miễn chấp hành án theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người mà Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành hình phạt tù trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 201 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị xét hưởng thời hiệu):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án xét hưởng thời hiệu.

- **Dòng 202 (Toà án đã ra quyết định theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định cho người đó được hưởng thời hiệu trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 203 (Số người chấp hành án phạt tù được hưởng thời hiệu theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án phạt tù mà Tòa án đã ra quyết định cho người đó được hưởng thời hiệu trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 204 (Số người Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án ra quyết định đình chỉ việc chấp hành án.

- **Dòng 205 (Tòa án đã ra quyết định theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 206 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án tự kiểm tra):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê và đã gửi đến Tòa án yêu cầu Tòa án tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần)

- **Dòng 207 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án cung cấp tài liệu):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu Tòa án cung cấp tài liệu cho liên quan đến việc thi hành án hình sự cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần).

- **Dòng 208 (Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù):** Thống kê số phạm nhân Viện kiểm sát đã lập hồ sơ đề nghị cho phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 209 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành hình phạt còn lại trong thời gian người chấp hành án đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù):** Thống kê số người chấp hành án Viện kiểm sát đã lập hồ sơ đề nghị cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được miễn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 210 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát yêu cầu Công an áp giải):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Công an áp giải người đó đến nơi chấp hành án.

- **Dòng 211 (Công an đã áp giải theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Công an đã áp giải trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 212 (Số người Viện kiểm sát yêu cầu Công an truy nã):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Công an truy nã khi người đó bỏ trốn.

- **Dòng 213 (Công an đã truy nã theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Công an đã truy nã trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 214 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án cùng cấp tự kiểm tra):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp yêu cầu tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu)

- **Dòng 215 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án cấp dưới tự kiểm tra):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới yêu cầu tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu)

- **Dòng 216 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp cung cấp tài liệu):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án cùng cấp cung cấp tài liệu liên quan đến việc thi hành án hình sự cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu).

- **Dòng 217 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới cung cấp tài liệu):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án cấp dưới cung cấp tài liệu liên quan đến việc thi hành án hình sự cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu).

- **Dòng 218 (Số lần kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp):** Thống kê số lần đã tiến hành kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án cùng cấp đã ban hành kết luận (thống kê cả kiểm sát thường kỳ và đột xuất).

- **Dòng 219 (Số lần kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới):** Thống kê số lần đã tiến hành kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án cấp dưới đã ban hành kết luận (thống kê cả kiểm sát thường kỳ và đột xuất).

- **Dòng 220 (Số bản kiến nghị cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp):** Thống kê số bản kiến nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kiến nghị kiến nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kiến nghị)

**Lưu ý:** Chỉ thống kê những kiến nghị bằng văn bản riêng, không thống kê những kiến nghị có trong kết luận kiểm sát trực tiếp.

- **Dòng 221 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 222 (Số bản kiến nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới):** Thống kê số bản kiến nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kiến nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kiến nghị).

**Lưu ý:** Chỉ thống kê những kiến nghị bằng văn bản riêng, không thống kê những kiến nghị có trong kết luận kiểm sát trực tiếp.

- **Dòng 223 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 224 (Số bản kháng nghị cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp):** Thống kê số bản kháng nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị)

- **Dòng 225 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 226 (Số bản kháng nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới):** Thống kê số bản kháng nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- **Dòng 227 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một

phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 228 (Số lần kiểm sát trực tiếp trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát trực tiếp trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam (cả kiểm sát thường kỳ và kiểm sát bất thường), bao gồm: kiểm sát toàn diện và kiểm sát một mặt.

**Lưu ý:** Chỉ thống kê những trường hợp Viện kiểm sát đã ra quyết định kiểm sát trực tiếp trại giam hoặc phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân.

- **Dòng 229 (Số bản kiến nghị đối với trại giam, trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân):** Thống kê số bản kiến nghị đối với trại giam, trại tạm giam đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kiến nghị kiến nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kiến nghị).

**Lưu ý:** Chỉ thống kê những kiến nghị bằng văn bản riêng, không thống kê những kiến nghị có trong kết luận kiểm sát trực tiếp.

- **Dòng 230 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của trại giam, trại tạm giam (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 231 (Số bản kháng nghị đối với trại giam, trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân):** Thống kê số bản kháng nghị đối với trại giam, trại tạm giam đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- **Dòng 232 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của trại giam, trại tạm giam (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 233 (Số hồ sơ Viện kiểm sát kiểm sát việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù):** Thống kê số hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù mà trại giam, trại tạm giam đã gửi tới Viện kiểm sát để Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù trong kỳ thống kê (việc xét giảm có thể là thường kỳ hoặc đột xuất).

- **Dòng 234 (Số phạm nhân được xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù):** Thống kê số phạm nhân đã được Toà án có thẩm quyền quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.



- **Dòng 235 (Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù khác với đề nghị của cơ quan Công an):** Thống kê số phạm nhân sau khi nhận hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của cơ quan Công an, Viện kiểm sát đã nghiên cứu và đề nghị Tòa án giảm thời hạn chấp hành án phạt tù khác với đề nghị của cơ quan Công an (có thể thời gian giảm nhiều hơn hoặc ít hơn).

- **Dòng 236 (Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát):** Thống kê những trường hợp Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

- **Dòng 237 (Số hồ sơ Viện kiểm sát kiểm sát việc đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số hồ sơ đề nghị tha tù trước thời hạn mà trại giam, trại tạm giam đã lập và gửi đến Viện kiểm sát để Viện kiểm sát xem xét và có ý kiến.

- **Dòng 238 (Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà tại phiên họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện Kiểm sát viên trình bày quan điểm của Viện kiểm sát không chấp nhận việc tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với phạm nhân đó.

- **Dòng 239 (Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát):** Thống kê số phạm nhân Tòa án không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện theo đề nghị của Viện kiểm sát.

- **Dòng 240 (Số hồ sơ Viện kiểm sát kiểm sát việc đề nghị đặc xá):** Thống kê số hồ sơ phạm nhân Viện kiểm sát đã kiểm sát việc thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị đặc xá, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 241 (Số lần kiểm sát ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thi hành án hình sự):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong việc thi hành án treo, cải tạo không giam giữ và các hình phạt khác, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 242 (Số bản kiến nghị UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức):** Thống kê số bản kiến nghị mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức khắc phục vi phạm trong việc quản lý án treo, cải tạo không giam giữ và các hình phạt khác.

- **Dòng 243 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan bị kiến nghị (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 244 (Số bản kháng nghị UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức):** Thống kê số bản kháng nghị đối Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong

thi hành án hình sự mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- **Dòng 245 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan bị kháng nghị (bản kháng nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 246 (Số người VKS tham gia xét rút ngắn thời hạn thử thách của án treo):** Thống kê số người Viện kiểm sát tham gia phiên họp trong kỳ thống kê để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo ( mỗi hồ sơ xét giảm là một người).

- **Dòng 247 (Số người Viện kiểm sát tham gia xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ):** Thống kê số người Viện kiểm sát tham gia phiên họp trong kỳ thống kê để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét giảm thời hạn và xét miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án cùng cấp ( mỗi hồ sơ xét giảm là một người).

- **Dòng 248 (Số bản kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm):** Thống kê số bản kiến nghị ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm trong việc ra quyết định thi hành án hình sự (nếu một bản kiến nghị mà kiến nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một kiến nghị).

- **Dòng 249 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của Tòa án bị kiến nghị (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 250 (Số bản kháng nghị các quyết định của Tòa án):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê kháng nghị các quyết định của Tòa án liên quan đến việc thi hành án hình sự.

- **Dòng 251 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của Tòa án bị kháng nghị (bản kháng nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 252 (Số cuộc kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu đã có kết luận):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu của Viện kiểm sát đối với các trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự các cấp, Tòa án các cấp, ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức... trong việc thi hành án hình sự đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm tra nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này).

**BIỂU SỐ 08/2016**